

Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày 30-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Huệ

2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Lương Minh Trí- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1988, tại xã V, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Bản N, xã V, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang C và bà Hà Thị H; vợ: Ngọc Thị Thanh Q (đã ly hôn), con: Có 01 người con, sinh năm 2013;

- Tiền án: 03 tiền án

+ Bản án số 34/2017/HSST ngày 22/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/12/2018.

+ Bản án số 38/2019/HSST ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/07/2021.

+ Bản án số 06/2022/HSST ngày 21/04/2022, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong ngày 30/11/2024.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 04/10/2016, bị Công an huyện T, tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2012/HSST ngày 21/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong ngày 07/10/2012.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31-7-2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Lào Cai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Quang C, sinh năm 1960; vắng mặt

Địa chỉ: Bản Nả, xã Việt Hồng, tỉnh Lào Cai.

+ Chị Ngọc Thị S, sinh năm 1987; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu D, xã S, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 09 tháng 6 năm 2025, anh Nguyễn Văn Q đến Công an xã V, tỉnh Lào Cai trình báo về việc gia đình bị mất 01 cửa máy Husqvarna-365, loại cửa máy cầm tay, trọng lượng 9kg, vỏ máy màu cam, chiều dài khoảng 01m, phần lưỡi cửa dài khoảng 50cm.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 12 giờ ngày 04 tháng 6 năm 2025, Trần Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave@, biển số 19H1-242.20 đến nhà anh Nguyễn Văn Q ở thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là thôn C, xã V, tỉnh Lào Cai) chơi. Khi đi đến nơi, T đi vào phòng khách nhưng không thấy ai ở nhà, T gọi "*anh Q ơi*" thấy không có ai trả lời. T quay ra định đi về thì nhìn thấy chiếc cửa máy cầm tay nhãn hiệu Husqvarna-365 để ở trong phòng khách, ngay gần cửa ra vào nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Quan sát xung quanh không có ai, T bê chiếc cửa máy ra xe mô tô rồi chở về nhà bố đẻ là ông Trần Quang C, T nói với ông C "*Có đĩa bạn bán cái cửa bố có lấy không, nó để cho giá 500.000 đồng*". Ông C bảo "*Chỉ còn có 215.000 đồng, nếu bán thì lấy*". T đưa cho ông C chiếc cửa máy và nhận 215.000 đồng (Hai trăm mười lăm nghìn đồng) tiền mặt từ ông C. Sau đó, T đi xe mô tô đến nhà vợ cũ là Ngọc Thị S ở khu D, xã S, tỉnh Phú Thọ trả xe mô tô cho S và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Đến chiều ngày 09/6/2025, anh Q tìm chiếc cửa máy để sử dụng thì không thấy. Sau khi hỏi người thân và xác định không có ai mượn. Biết chiếc cửa đã bị mất nên đến trình báo tại Công an xã V. Tiến hành rà soát camera an ninh và camera nhà ông Hoàng Công D, sinh năm 1974, trú tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã V, tỉnh Lào Cai) Cơ quan công an đã xác định được hình ảnh người đàn ông đi xe mô tô có chở theo một chiếc cửa máy. Qua rà soát và cho ông Trần Quang C nhận dạng qua ảnh, ông C xác nhận người đàn ông đó chính là Trần Văn T đồng thời ông C giao nộp cho Cơ quan công an chiếc máy cửa đã mua

của . Tại cơ quan Công an anh Nguyễn Văn Q đã xác nhận chiếc cửa máy do ông C giao nộp là chiếc cửa của mình đã bị mất.

Ngày 29/7/2025, Cơ quan điều tra đã triệu tập được Trần Văn T để làm việc, tại Cơ quan điều tra Trần Văn T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, đã xác định Trần Văn T còn có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do T không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự và không xác định được người bán chất ma túy cho T nên Công an xã V, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Yên Bái kết luận: 01 cửa máy Husqvarna-365, loại cửa máy cầm tay, trọng lượng 9kg, vỏ máy màu cam, chiều dài khoảng 01m, phần lưỡi cửa dài khoảng 50cm thời điểm ngày 09/6/2025 có giá trị là 5.943.200 đồng (*Năm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Văn Q đã nhận lại tài sản của mình; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang C không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-VY ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai đã truy tố Trần Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù.
- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Văn T không có tài sản, không có thu nhập ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản của mình; bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang C đến nay không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên không xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn T không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái nay là Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là anh Nguyễn Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang C, chị Ngọc Thị S vắng mặt. Xét thấy bị hại anh Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang C, chị Ngọc Thị S vắng mặt và đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự khai và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, khoảng 12 giờ ngày 04 tháng 6 năm 2025, Trần Văn T một mình điều khiển xe mô tô biển số 19H1-242.20 đến nhà của anh Nguyễn Văn Q ở thôn C, xã V, tỉnh Lào Cai chơi, thấy không có ai ở nhà Trần Văn T đã lén lút bê chiếc cửa máy cày hiệu Husqvarna-365, trị giá 5.943.200 đồng (*Năm triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng*) ra xe mô tô rồi chở đi bán được 215.000 đồng, số tiền này T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản án số 06/2022/HSST ngày 21/04/2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt Trần Văn T 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (chấp hành xong ngày 30/11/2024). Đối với bản án này bị cáo chưa được xóa án tích, ngày 04/6/2025 bị cáo lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Ngoài 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản vào các năm 2017, 2019, 2022. Năm 2012 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chấp hành xong ngày 07/10/2012) và năm 2016 bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Tại bản án số 06/2022/HSST ngày 21/04/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong bản án ngày 30 tháng 11 năm 2024, bị cáo chưa được xoá án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học, bị cáo không ăn năn hối cải, lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho bị hại, được coi là gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo Trần Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần áp dụng với bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 cửa máy Husqvarna-365, loại cửa máy cầm tay, trọng lượng 9kg, vỏ máy màu cam, chiều dài khoảng 01m, phần lưỡi cửa dài khoảng 50cm quá trình điều tra ngày 22/10/2025 Công an xã V, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[9] Đối với các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra, đã xác định Trần Văn T còn có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do T không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 và không xác định được người bán chất ma túy cho Trần Văn T nên Công an xã V, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp.

Đối với ông Trần Quang C, là người đã mua chiếc cưa máy hiệu Husqvarna-365, quá trình điều tra xác định T không nói cho ông C biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô HONDA, số loại Wave , biển số 19H1-242.20, kết quả điều tra xác định đó là tài sản của chị Ngọc Thị S cho T mượn để sử dụng vào mục đích sinh hoạt hàng ngày, nên Cơ quan điều tra không thu hồi, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông đã bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn T vào ngày 28/7/2025 tại khu vực ngoại thành Hà Nội, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người này, ngoài lời khai của T thì không còn nguồn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Những nội dung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 31 tháng 7 năm 2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3- Lào Cai;
- Cơ quanĐT, CQTHAHS, Phòng HS-NV Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng THA Dân sự khu vực 3 – Lào Cai;
- Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ (2);
- Lưu HSVA, THAHS, TA.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương